TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Ứng Cương**

2. Ông **Danh Chung**

Thư ký phiên toà: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ,** sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ : ấp T xã G, huyện Ch, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Trần Văn M,** sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Trần Văn M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-10-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào năm 2003 chị và Trần Văn M thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xãy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, do anh M không quan tâm và lo cho cuộc

sống gia đình, vợ chồng không còn tình cảm và sống không hạnh phúc và hai người đã sống ly thân với nhau từ năm tháng 7 năm 2022 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, không thể chung sống với nhau với nhau được nữa nên chị Đ quyết định ly hôn với anh Trần Văn M.

Quá trình chung sống chị và anh M có chung với nhau 03 con : 1/ Trần Huỳnh Tr, sinh ngày 18-8-2005; 2/ Trần Minh Nh, sinh ngày 19-02-2008 và Trần Th, sinh ngày 19-11-2019

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đ có yêu cầu*:*

-Về hôn nhân : Xin Đ ly hôn với anh Trần Văn M

-Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con 1/ Trần Huỳnh Tr, sinh ngày 18-8-2005; 2/Trần Minh Nh, sinh ngày 19-02-2008 và Trần Th, sinh ngày 19-11-2019, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11-11-2022;Biên bản hòa giải ngày 05-12-2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12-12-2022 bị đơn anh Trần Văn M trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Đ về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân : Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

- Về con chung: Đồng ý giao 03 con chung 1/Trần Huỳnh Tr, sinh ngày 18-8-2005; 2/Trần Minh Nh, sinh ngày 19-02-2008 và Trần Th, sinh ngày 19-11-2019 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 24-10-2022 chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn M. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn anh Trần Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M chung sống với nhau vào năm 2003, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải Đ đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 03 người con chung: 1/Trần Huỳnh Tr, sinh ngày 18-8-2005; 2/Trần Minh Nh, sinh ngày 19-02-2008 và Trần Th, sinh ngày 19-11-2019. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ và anh M thống nhất thỏa thuận giao con cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị Đ và anh M phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Đ về quyền yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Đ xác định không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con và việc chị M không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M.

2.Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M thống nhất giao 03 con:1/Trần Huỳnh Tr, sinh ngày 18-8-2005; 2/Trần Minh Nh, sinh ngày 19-02-2008 và Trần Th, sinh ngày 19-11-2019 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung : Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009774, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn M vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án Đ niên yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.